

Bản án số: 66/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23-5-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hoàn.
- Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tô Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 78/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hải H, sinh năm 1984; thường trú: Số 142/52A, khu phố T, phường A, thành phố A, tỉnh D. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Minh T, sinh năm 1980; thường trú: Số 618, Lô B5 Chung cư phường 3, Quận X, Thành phố M; tạm trú: Số 142/52A, khu phố T, phường A, thành phố A, tỉnh D. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải H trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hải H và anh Phạm Minh T là vợ chồng, tự nguyện chung sống rồi tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân phường A, thành phố A, tỉnh D theo giấy chứng nhận kết hôn số 38 cấp ngày 14/6/2021.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chị H tại địa chỉ: Số 142/52A, khu phố T, phường A, thành phố A, tỉnh D cho đến tháng 03/2021 thì cả gia đình đi lao động tại nước Anh. Ban đầu vợ chồng xác định đi lao động 02 năm rồi về, tuy nhiên anh T sang nước Anh được khoảng 10 ngày thì bỏ về Việt Nam để lại 02 mẹ con bên nước Anh. Vì cuộc sống quá khó khăn nên tháng 02/2023 chị H và các cháu về lại Việt Nam cho đến nay.

Cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, không thể nói chuyện và chia sẻ với nhau, thường xuyên cãi vã. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng, gia đình hai bên khuyên nhủ hàn gắn nhiều lần nhưng không thể giải quyết được. Nay vợ chồng đã sống ly thân về mặt tình cảm và không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Minh Q, sinh ngày 09/10/2012 và Phạm Minh A, sinh ngày 20/5/2018. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 14/3/2023, bị đơn anh Phạm Minh T trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của chị H về thời gian hai vợ chồng tìm hiểu, chung sống cũng như đăng ký kết hôn và mâu thuẫn của hai vợ chồng.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ vợ tại địa chỉ: Số 142/52A, khu phố T, phường A, thành phố A, tỉnh D cho đến ngày 27/03/2022 thì cả gia đình đi lao động tại nước Anh. Bản thân anh sau khi qua Anh thì đến ngày 27/4/2022 anh đưa cháu nhỏ về Việt Nam sinh sống. Đến tháng 7 cháu Phạm Minh Q được nghỉ hè nên về Việt Nam. Đến đầu tháng 10/2022 thì anh đưa cháu nhỏ Phạm Minh A cùng cháu lớn Phạm Minh Q quay trở lại nước Anh để đi học. Đến ngày 20/11/2022 anh về nước cho đến nay.

Mặc dù hai vợ chồng đã sống ly thân nhưng bản thân anh vẫn giữ liên lạc và quan tâm 02 cháu nhỏ, chu cấp cho các cháu ăn học. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn với chị H.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Minh Q, sinh ngày 09/10/2012 và Phạm Minh A, sinh ngày 20/5/2018. Khi ly hôn anh T đồng ý giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh T tự nguyện cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng/01 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã sự trầm trọng, các đương sự cũng thừa nhận vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được và đồng ý ly hôn nên có căn cứ giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Về con chung anh T đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng nên có căn cứ giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng/01 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi nên ghi nhận. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H và anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị H, anh T theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hải H và anh Phạm Minh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 14/6/2021, do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị H và anh T đều xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Chị H và anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn. Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên, do mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã diễn ra trong thời gian dài, cả hai không có giải pháp nào để khắc phục và không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc cho

nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Minh Q, sinh ngày 09/10/2012 và Phạm Minh A, sinh ngày 20/5/2018. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng/01 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Khi giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy anh T đồng ý giao con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó cần giao 02 cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T tự nguyện cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng/01 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hải H phải chịu án phí ly hôn, anh Phạm Minh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hải H đối với anh Phạm Minh T về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hải H được ly hôn với anh Phạm Minh T (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 14/6/2021 do UBND phường A, thành phố A, tỉnh D cấp).

- Về con chung: Anh Phạm Minh T có trách nhiệm giao 02 con chung tên Phạm Minh Q, sinh ngày 09/10/2012 và Phạm Minh A, sinh ngày 20/5/2018 cho chị Nguyễn Thị Hải H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con 5.000.000 đồng/tháng/01 con. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị Hải H và anh Phạm Minh T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hải H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006145 ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Phạm Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Nam